

NGHỊ QUYẾT

**Về quyết định dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động của
Hội đồng nhân dân huyện Hòa An năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN
KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 91/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2022, thời kỳ ổn định 2022 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Cao Bằng nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Tờ trình số 193/TTr-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Hòa An về việc đề nghị quyết định dự toán bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện Hòa An năm 2022; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định dự toán kinh phí bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện Hòa An năm 2022 như sau:

1. Kinh phí bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân: 720.686.000đ
(có biểu chi tiết kèm theo)

2. Kinh phí bảo đảm hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân (chi hoạt động khác): 50.314.000đ

***Tổng cộng: 771.000.000đ (Bảy trăm bảy mươi một triệu đồng chẵn)**

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân huyện theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện khóa XX, nhiệm kỳ 2021 - 2026 giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa XX, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 27 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị Hòa An);
- Đại biểu HĐND huyện khóa XX;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, KTXH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Thư

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA AN**

DỰ TOÁN KINH PHÍ BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND HUYỆN NĂM 2022
(kèm theo Nghị quyết số: 199 /NQ - HĐND ngày 27/12/2021 của HĐND huyện Hòa An)

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	định mức	Số lượng	Thành tiền
	Tổng cộng				720.686.000
I	Kỳ họp HĐND				241.440.000
1	Soạn thảo báo cáo thẩm tra	đồng/ 1 vb được thẩm tra	350.000,0	4	1.400.000
2	Chi cho cá nhân tham gia họp thẩm tra				4.840.000
	- Chủ trì cuộc họp	đồng/ người/buổi	100.000,0	4	400.000
	- Thành viên dự họp	đồng/ người/buổi	70.000,0	60	4.200.000
	- Người phục vụ họp thẩm tra	đồng/ người/buổi	60.000,0	4	240.000
3	Chi nghiên cứu tài liệu trước khi thẩm tra của các thành viên Ban HĐND				15.400.000
	- Thành viên các ban (đồng/kỳ họp)	đồng/ kỳ họp	350.000,0	12	4.200.000
	- Thành viên các Ban chuyên trách	đồng/ vb được thẩm tra	350.000,0	32	11.200.000
4	Chi nghiên cứu văn bản trình kỳ họp				23.100.000
	- Đại biểu HĐND hoạt động không chuyên trách	đồng/ kỳ họp	350.000,0	54	18.900.000
	- Đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách	đồng/ kỳ họp	700.000,0	6	4.200.000
5	Chi xây dựng báo cáo, các VB trình kỳ họp				5.800.000
	- các tờ trình, văn bản cá biệt, Biên bản.. Báo cáo tổng hợp tổ,	đồng/ văn bản	350.000,0	10	3.500.000
	- Soạn văn bản khai mạc, bế mạc, báo rút kinh nghiệm, văn bản khác	đồng/ văn bản	200.000,0	8	1.600.000
	- Xây dựng báo cáo của TT HĐND, các Ban	đồng/ văn bản	350.000,0	2	700.000



Đok

6	Chi cho việc hoàn thiện rà soát NQ	đồng/ nghị quyết	350.000,0	10	3.500.000
7	Chi bồi dưỡng các ngày diễn ra kỳ họp				25.000.000
	- Chủ tọa điều hành kỳ họp	đồng/người/ngày	300.000,0	4	1.200.000
	- Thư ký kỳ họp	đồng/người/ngày	200.000,0	4	800.000
	- Đại biểu HĐND	đồng/người/ngày	200.000,0	112	22.400.000
	- Công chức, người phục vụ trực tiếp	đồng/người/ngày	150.000,0	4	600.000
8	Chi tiền ăn		350.000,0		158.400.000
	- Chi tiền ăn đại biểu dự kỳ họp	đồng/người/ngày	300.000,0	480	144.000.000
	- Chi tiền giải khát	đồng/người/ngày	40.000,0	360	14.400.000
9	Chi tiền phòng nghỉ cho các đại biểu	phòng/ngày	180.000,0		-
10	Chi hỗ trợ tuyên truyền		2.000.000,0	2	4.000.000
II	Chế độ họp TT HĐND				7.770.000
1	Chi bồi dưỡng họp thường trực				6.720.000
	- Chủ trì cuộc họp	đồng/người/phiên họp	100.000,0	12	1.200.000
	- Thành viên dự họp	đồng/người/phiên họp	70.000,0	48	3.360.000
	- Nhân viên phục vụ	đồng/người/phiên họp	60.000,0	12	720.000
	- Chè nước		20.000,0	72	1.440.000
2	Chi xây dựng các văn bản của TT, hai Ban				
	- Chi xây dựng thông báo kết luận của TT	đồng/ văn bản	350.000,0	3	1.050.000
III	Công tác giám sát, khảo sát				35.200.000
1	Chi xây dựng vb giám sát, khảo sát				11.200.000
	- Chi xây dựng QĐ thành lập đoàn	đồng/ văn bản	350.000,0	8	2.800.000
	- Chi xây dựng kế hoạch và đề cương	đồng/ văn bản	350.000,0	8	2.800.000
	- Chi xây dựng BC kết quả giám sát	đồng/ văn bản	700.000,0	8	5.600.000
2	Chi cho đoàn khảo sát, GS		350.000,0		24.000.000
	- Trưởng đoàn	đồng/người/buổi	140.000,0	24	3.360.000



Đok

	- Thành viên, đại biểu theo đoàn	đồng/người/buổi	100.000,0	192	19.200.000
	- Nhân viên phục vụ	đồng/người/buổi	60.000,0	24	1.440.000
IV	Chi hỗ trợ tiếp xúc cử tri				128.080.000
	- Điểm tiếp xúc cử tri	điểm	2.100.000,0	24	50.400.000
	- Hỗ trợ phóng viên	đồng/người/buổi	80.000,0	16	1.280.000
	- Kế hoạch, đề cương TXCT	bộ	350.000,0	4	1.400.000
	- Báo cáo tổng hợp ý kiến kiến nghị cử tri	đồng/bc	350.000,0	4	1.400.000
	- BC kết quả tiếp xúc cử tri (theo tổ)	đồng/báo cáo/ đợt	200.000,0	32	6.400.000
	- Chi hỗ trợ kinh phí TXCT cho ĐBHDND	đồng/đại biểu/năm	2.100.000,0	30	63.000.000
	- Hỗ trợ ĐBHDND chuyên trách tiếp xúc chuyên đề	đồng/đại biểu/năm	1.400.000,0	3	4.200.000
V	Chi công tác phí, hội nghị				32.200.000
VI	Chi các điều kiện đảm bảo				190.900.000
	- Lễ phục ĐBHDND	đồng/ bộ	3.500.000,0	30	105.000.000
	- Khoản kinh phí khai thác Internet (ĐBCT)	đồng/người/tháng	150.000,0	36	5.400.000
	- Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe	đại biểu/ năm	2.100.000,0	30	63.000.000
	- Trang phục công chức phục vụ	đồng/bộ	3.500.000,0	5	17.500.000
VI	Phụ cấp				75.096.000
1	Kiểm nhiệm				48.276.000
	- Tổ trưởng	người/tháng	223.500,00	96	21.456.000
	- Tổ phó	người/tháng	149.000,0	72	10.728.000
	- Thành viên Ban HDND	người/tháng	223.500,00	72	16.092.000
2	Chuyên trách	người/tháng	745.000,0	36	26.820.000
VII	Kinh phí khác				10.000.000
	Chi trợ cấp, thăm hỏi, quà lưu niệm..				10.000.000



Đok